

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 |
| Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ | 8 - 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ | 10 - 36 |



Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0106673358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 ngày 29 tháng 7 năm 2022.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

| | |
|---------------------|--------------|
| Bà Nguyễn Thu Trang | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Việt Sơn | Phó Chủ tịch |
| Ông Bùi Quốc Khánh | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Yến | Thành viên |
| Ông Phan Anh Sơn | Thành viên |

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|---------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Yến | Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thu Trang | Thành viên |
| Ông Phan Anh Sơn | Thành viên |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|---------------------|--|
| Bà Tạ Thị Thu Hằng | Tổng Giám đốc |
| Ông Hoàng Minh Tuấn | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là bà Tạ Thị Thu Hằng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (“báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”) đề ngày 29 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.



Tạ Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12856035/22964358-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKLN kiểm toán: 0754-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|------------|---|-------------|--------------------------|---------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 997.789.630.727 | 942.009.775.716 |
| 110 | I. Tiền | 4 | 5.124.525.771 | 258.293.820.419 |
| 111 | 1. Tiền | | 5.124.525.771 | 258.293.820.419 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 518.217.757.450 | 518.217.757.450 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | 5 | 518.217.757.450 | 518.217.757.450 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 474.447.347.506 | 165.498.197.847 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | 5.396.970.289 | 13.489.474.976 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 45.840.800 | 45.852.000 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 7 | 280.000.000.000 | - |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 8 | 189.379.972.664 | 152.338.307.118 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 8 | (375.436.247) | (375.436.247) |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 307.268.744.100 | 309.627.151.734 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 333.093.657 | - |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | | 35.655.093 | - |
| 222 | Nguyên giá | | 36.500.000 | - |
| 223 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (844.907) | - |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | | 297.438.564 | - |
| 228 | Nguyên giá | | 304.950.000 | - |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (7.511.436) | - |
| 240 | II. Tài sản dở dang dài hạn | | - | 121.980.000 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | - | 121.980.000 |
| 250 | III. Đầu tư tài chính dài hạn | 9 | 306.831.455.831 | 309.316.445.805 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 309.316.445.805 | 309.316.445.805 |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 34.500.000.000 | 34.500.000.000 |
| 254 | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (36.984.989.974) | (34.500.000.000) |
| 260 | IV. Tài sản dài hạn khác | | 104.194.612 | 188.725.929 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | 104.194.612 | 188.725.929 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 1.305.058.374.827 | 1.251.636.927.450 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|------------|--|-------------|--------------------------|---------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 550.756.377.907 | 570.404.412.325 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 59.956.377.907 | 79.604.412.325 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | | 131.212.813 | 614.899.552 |
| 313 | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 10 | 518.382.695 | 467.948.822 |
| 314 | 3. Phải trả người lao động | | 22.567.058 | 24.927.677 |
| 315 | 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 11 | 16.147.715.981 | 14.568.391.742 |
| 319 | 5. Phải trả ngắn hạn khác | 12 | 43.136.499.360 | 63.928.244.532 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 490.800.000.000 | 490.800.000.000 |
| 338 | 1. Vay dài hạn | 13 | 490.800.000.000 | 490.800.000.000 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 754.301.996.920 | 681.232.515.125 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 14 | 754.301.996.920 | 681.232.515.125 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần đã phát hành | | 431.880.870.000 | 431.880.870.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 431.880.870.000 | 431.880.870.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 225.568.103.409 | 225.568.103.409 |
| 421 | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 96.853.023.511 | 23.783.541.716 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước | | 2.189.498.216 | 3.002.921.355 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | | 94.663.525.295 | 20.780.620.361 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 1.305.058.374.827 | 1.251.636.927.450 |

Nguyễn Văn Thiện
Người lập biểu

Hoàng Minh Tuấn
Kế toán trưởng



Tạ Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
|-------|--|-------------|---|---|
| 01 | 1. Doanh thu cung cấp dịch vụ | 15.1 | 4.476.263.414 | 5.206.814.915 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 15.1 | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ | 15.1 | 4.476.263.414 | 5.206.814.915 |
| 11 | 4. Giá vốn dịch vụ cung cấp | 16 | (4.476.263.414) | (5.206.814.915) |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ | | - | - |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 15.2 | 126.405.582.684 | 121.092.706.629 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 17 | (28.470.183.782) | (31.510.029.657) |
| 23 | Trong đó: chi phí lãi vay | | (25.935.754.518) | (26.355.287.672) |
| 26 | 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 18 | (3.237.032.943) | (2.617.477.814) |
| 30 | 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 94.698.365.959 | 86.965.199.158 |
| 31 | 10. Thu nhập khác | | 17.555.569 | 6.404.320 |
| 32 | 11. Chi phí khác | | (52.396.233) | (2.010.001) |
| 40 | 12. (Lỗ)/lợi nhuận khác | | (34.840.664) | 4.394.319 |
| 50 | 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 94.663.525.295 | 86.969.593.477 |
| 51 | 14. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 20.1 | - | - |
| 60 | 15. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 94.663.525.295 | 86.969.593.477 |

Nguyễn Văn Thiện
Người lập biểu

Hoàng Minh Tuấn
Kế toán trưởng



Tạ Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
|-------|--|-------------|---|---|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận trước thuế | | 94.663.525.295 | 86.969.593.477 |
| 02 | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình | | 8.356.343 | - |
| 03 | Các khoản dự phòng | | 2.484.989.974 | 5.046.787.874 |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | 15.2 | (126.405.582.684) | (121.092.706.629) |
| 06 | Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu phân bổ | 17 | 25.935.754.518 | 26.355.287.672 |
| 08 | Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (3.312.956.554) | (2.721.037.606) |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | | (17.802.183.906) | (61.010.015.328) |
| 11 | Giảm các khoản phải trả | | (42.839.531.604) | (5.641.344.225) |
| 12 | Giảm chi phí trả trước | | 84.531.317 | 33.593.208 |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (24.338.300.832) | (33.619.194.520) |
| 20 | Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh | | (88.208.441.579) | (102.957.998.471) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác | | (219.470.000) | - |
| 23 | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (280.000.000.000) | (52.000.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | | - | 30.000.000.000 |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | 28.000.000.000 |
| 27 | Lãi tiền gửi và cổ tức được chia | | 115.258.616.931 | 86.125.542.863 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư | | (164.960.853.069) | 92.125.542.863 |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | | - | 490.800.000.000 |
| 34 | Tiền trả nợ gốc vay | | - | (490.800.000.000) |
| 36 | Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu | | - | (2.364.397.025) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
|-------|---|-------------|---|---|
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính | | - | (2.364.397.025) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | (253.169.294.648) | (13.196.852.633) |
| 60 | Tiền đầu kỳ | | 258.293.820.419 | 26.762.449.820 |
| 70 | Tiền cuối kỳ | 4 | 5.124.525.771 | 13.565.597.187 |

Nguyễn Văn Thiện
Người lập biểu

Hoàng Minh Tuấn
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0106673358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 ngày 29 tháng 7 năm 2022.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 25, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2019.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 24 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 27 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 5 công ty con trực tiếp. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

| STT | Tên công ty | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Trụ sở chính | Hoạt động chính |
|-----|---|----------------------|-------------------|--|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management | 99,62% | 99,62% | Tầng 25, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | Cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn đấu thầu, thẩm định giá | 51% | 51% | Tầng 24, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại |
| 3 | Công ty Cổ phần TNTech | 99,51% | 99,51% | Tầng 21, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | Cung cấp dịch vụ và giải pháp công nghệ thông tin |
| 4 | Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực TNTalent | 99% | 99% | Tầng 26, tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | Cung cấp các dịch vụ tuyển dụng, cho thuê nhân sự, tư vấn chiến lược nhân sự, đào tạo, xây dựng chính sách lương và chế độ phúc lợi |
| 5 | Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Xây dựng MANPRO | 51% | 51% | Số 411, đường Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án các công trình xây dựng |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty cũng có 4 công ty con được đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management. Thông tin chi tiết về các công ty con gián tiếp và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con gián tiếp này như sau:

| STT | Tên công ty | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Trụ sở chính | Hoạt động chính |
|-----|--|----------------------|-------------------|--|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One | 94,75% | 94,39% | Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội | Dịch vụ vệ sinh, làm sạch chuyên nghiệp |
| 2 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt | 99,75% | 99,37% | Số 60 Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Cung cấp dịch vụ bảo vệ |
| 3 | Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One | 100% | 99,62% | Tầng 2, tòa tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | Cung cấp dịch vụ bảo vệ |
| 4 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý vận hành Khu công nghiệp IMC | 99,75% | 99,37% | Lô số 7 nhà điều hành khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 9. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 vào ngày 29 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|--------------------|--------|
| Thiết bị văn phòng | 3 năm |
| Phần mềm máy tính | 10 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được hoàn thành và cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư. Thu nhập này được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.13 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc thực hiện và quản lý các khoản đầu tư tài chính và được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

| | Đơn vị tính: VND | |
|--------------------|--------------------------|---------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
| Tiền mặt | 337.500.000 | 337.500.000 |
| Tiền gửi ngân hàng | 4.787.025.771 | 257.956.320.419 |
| TỔNG CỘNG | 5.124.525.771 | 258.293.820.419 |

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

| | Đơn vị tính: VND | | | | | |
|---|--------------------------|------------------------|----------|---------------------------|------------------------|----------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | | |
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | 518.217.757.450 | 612.672.895.800 | - | 518.217.757.450 | 607.810.412.500 | - |
| TỔNG CỘNG | 518.217.757.450 | 612.672.895.800 | - | 518.217.757.450 | 607.810.412.500 | - |

(*) Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh này tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 được xác định bằng thị giá của cổ phiếu vào thời điểm đóng cửa phiên giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, với giá trị là 12.600 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 12.500 VND/cổ phiếu).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Đơn vị tính: VND | |
|--|--------------------------|---------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
| Khác | 25.000.000 | 25.000.000 |
| Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 21) | 5.371.970.289 | 13.464.474.976 |
| TỔNG CỘNG | 5.396.970.289 | 13.489.474.976 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc 501.9 (*) | 80.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần May diêm Sài Gòn (*) | 100.000.000.000 | - |
| Cho vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>) | 100.000.000.000 | - |
| TỔNG CỘNG | 280.000.000.000 | - |

(*) Đây là các khoản phải thu về cho vay tín chấp với lãi suất là 11,5%/năm và đáo hạn vào ngày 3 tháng 1 năm 2024.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| Phải thu lãi cho vay | 11.420.903.088 | 1.326.108.567 |
| Phải thu tiền góp vốn và lãi theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*) | 6.552.171.232 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 399.067.725 | 416.120.669 |
| Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>) | 171.007.830.619 | 150.596.077.882 |
| TỔNG CỘNG | 189.379.972.664 | 152.338.307.118 |
| <i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i> | <i>(375.436.247)</i> | <i>(375.436.247)</i> |

(*) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là giá trị khoản phải thu còn lại liên quan tới Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HTKD/HT-TNS ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản Xây dựng Hưng Thịnh vào ngày 3 tháng 1 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | | |
|--------------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------|---------------------------|-------------------------|----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Đầu tư vào công ty con | 309.316.445.805 | (2.484.989.974) | (*) | 309.316.445.805 | - | (*) |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 34.500.000.000 | (34.500.000.000) | (*) | 34.500.000.000 | (34.500.000.000) | (*) |
| TỔNG CỘNG | 343.816.445.805 | (36.984.989.974) | | 343.816.445.805 | (34.500.000.000) | |

9.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

| Đơn vị | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | | |
|---|--------------------------|------------------------|----------------|---------------------------|----------|----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Công ty Cổ phần TNTECH | 209.300.000.000 | - | (*) | 209.300.000.000 | - | (*) |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Xây dựng MANPRO | 30.345.000.000 | - | (*) | 30.345.000.000 | - | (*) |
| Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn Nhân lực TNTalent | 29.700.000.000 | - | (*) | 29.700.000.000 | - | (*) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management | 37.421.445.805 | - | (*) | 37.421.445.805 | - | (*) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn đấu thầu, thẩm định giá | 2.550.000.000 | (2.484.989.974) | (*) | 2.550.000.000 | - | (*) |
| TỔNG CỘNG | 309.316.445.805 | (2.484.989.974) | | 309.316.445.805 | - | |

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

Thông tin về tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

9.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

| Đơn vị | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | | | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | | | |
|--|--------------------------|-----------------------|-------------------------|----------------|---------------------------|-----------------------|-------------------------|----------------|
| | Số lượng cổ phiếu | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Số lượng cổ phiếu | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Nền tảng Tài chính Kỹ thuật số TNEX (i) | 3.450.000 | 34.500.000.000 | (34.500.000.000) | (*) | 3.450.000 | 34.500.000.000 | (34.500.000.000) | (*) |
| TỔNG CỘNG | | 34.500.000.000 | (34.500.000.000) | | | 34.500.000.000 | (34.500.000.000) | |

(i) Công ty Cổ phần Dịch vụ và Nền tảng Tài chính Kỹ thuật số TNEX hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109602813 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 20 tháng 4 năm 2021 và có trụ sở chính tại Tầng 7, tòa nhà TNR Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này trong kỳ là cung cấp dịch vụ lập trình và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính.

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong công ty này như sau:

| Tên đơn vị | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | |
|--|--------------------------|----------------------------|---------------------------|----------------------------|
| | Tỷ lệ vốn nắm giữ (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Tỷ lệ vốn nắm giữ (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Nền tảng Tài chính Kỹ thuật số TNEX | 15,00% | 15,00% | 15,00% | 15,00% |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 |
|-----------------------|---------------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------------|
| Thuế thu nhập cá nhân | 328.046.312 | 1.068.418.312 | (1.057.636.536) | 338.828.088 |
| Thuế giá trị gia tăng | 139.902.510 | 358.446.771 | (318.794.674) | 179.554.607 |
| TỔNG CỘNG | 467.948.822 | 1.426.865.083 | (1.376.431.210) | 518.382.695 |

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|-------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Lãi vay phải trả | 16.119.754.520 | 14.522.300.834 |
| Các khoản phải trả khác | 27.961.461 | 46.090.908 |
| TỔNG CỘNG | 16.147.715.981 | 14.568.391.742 |

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Cổ tức phải trả | 21.706.672.650 | 112.629.150 |
| Các khoản phải trả khác | 155.828.192 | 150.597.958 |
| Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 21) | 21.273.998.518 | 63.665.017.424 |
| TỔNG CỘNG | 43.136.499.360 | 63.928.244.532 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. VAY DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> | <i>Số phát sinh trong kỳ</i> | | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> |
|--------------------------|--|------------------------------|-------------|--|
| | <i>Giá trị, đồng thời là số có khả năng trả nợ</i> | <i>Tăng</i> | <i>Giảm</i> | <i>Giá trị, đồng thời là số có khả năng trả nợ</i> |
| Trái phiếu phát hành (i) | 490.800.000.000 | - | - | 490.800.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 490.800.000.000 | - | - | 490.800.000.000 |

- (i) Đây là giá trị 4.908.000 trái phiếu không có tài sản đảm bảo, kỳ hạn là 36 tháng với khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào ngày 15 tháng 3 năm 2025. Lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần cho năm đầu tiên với lãi suất là 10%/năm và được trả hàng năm cho các năm tiếp theo với lãi suất tham chiếu + 3%/năm. Vào ngày 5 tháng 7 năm 2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 451/QĐ-SGDHN chấp thuận niêm yết 4.908.000 trái phiếu nêu trên với mã chứng khoán TN1122016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn cổ phần đã phát hành | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (**) | Tổng cộng |
|--|-----------------------------|-------------------------|--|------------------------|
| Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 | | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 345.507.370.000 | 225.568.103.409 | 20.278.289.855 | 591.353.763.264 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | 86.969.593.477 | 86.969.593.477 |
| Chia cổ tức bằng tiền | - | - | (17.275.368.500) | (17.275.368.500) |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 | <u>345.507.370.000</u> | <u>225.568.103.409</u> | <u>89.972.514.832</u> | <u>661.047.988.241</u> |
| Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 431.880.870.000 | 225.568.103.409 | 23.783.541.716 | 681.232.515.125 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | 94.663.525.295 | 94.663.525.295 |
| Chia cổ tức bằng tiền (*) | - | - | (21.594.043.500) | (21.594.043.500) |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 | <u>431.880.870.000</u> | <u>225.568.103.409</u> | <u>96.853.023.511</u> | <u>754.301.996.920</u> |

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2022 bằng tiền theo tỷ lệ chi trả là 5%.

(**) Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ chi trả là 15%/cổ phiếu và Công ty đã hoàn thành nội dung này vào ngày 10 tháng 8 năm 2023 (Thuyết minh số 22).

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | | |
|--|--------------------------|--------------------|--------------------|---------------------------|--------------------|--------------------|
| | Tổng số | Cổ phiếu thường | Cổ phiếu ưu đãi | Tổng số | Cổ phiếu thường | Cổ phiếu ưu đãi |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hòm | 25.456.200 | 25.456.200 | - | 25.456.200 | 25.456.200 | - |
| Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT | 5.048.813 | 5.048.813 | - | 5.048.813 | 5.048.813 | - |
| Các cổ đông khác | 12.683.074 | 12.683.074 | - | 12.683.074 | 12.683.074 | - |
| TỔNG CỘNG | <u>43.188.087</u> | <u>43.188.087</u> | <u>-</u> | <u>43.188.087</u> | <u>43.188.087</u> | <u>-</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
|---|--|--|
| Vốn cổ phần đã góp | | |
| Số đầu kỳ | 431.880.870.000 | 345.507.370.000 |
| Số cuối kỳ | 431.880.870.000 | 345.507.370.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã công bố | 86.376.173.500 | 103.648.868.500 |
| <i>Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2022: 15 cổ phiếu/100 cổ phiếu hiện hữu</i> | 64.782.130.000 | - |
| <i>Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2021: 25 cổ phiếu/100 cổ phiếu hiện hữu</i> | - | 86.373.500.000 |
| <i>Cổ tức bằng tiền cho năm 2022: 500 VND/cổ phiếu</i> | 21.594.043.500 | - |
| <i>Cổ tức bằng tiền cho năm 2021: 500 VND/cổ phiếu</i> | - | 17.275.368.500 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả | - | 2.364.397.025 |
| <i>Cổ tức bằng cổ phiếu</i> | - | - |
| <i>Cổ tức bằng tiền cho năm 2020</i> | - | 2.364.397.025 |

14.4 Cổ phiếu

| | <i>Số lượng</i> | |
|--------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| Cổ phiếu đăng ký phát hành | 43.188.087 | 43.188.087 |
| Cổ phiếu đã bán ra công chúng | | |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 43.188.087 | 43.188.087 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Cổ phiếu đang lưu hành | | |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 43.188.087 | 43.188.087 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Tổng doanh thu | 4.476.263.414 | 5.206.814.915 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý | 4.476.263.414 | 5.206.814.915 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Doanh thu thuần | 4.476.263.414 | 5.206.814.915 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 21) | 4.476.263.414 | 5.206.814.915 |

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-------------------------|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Cổ tức được chia | 113.692.718.250 | 120.219.538.268 |
| Lãi tiền gửi và cho vay | 11.579.372.772 | 793.599.127 |
| Lãi quản lý vốn | 1.133.491.662 | 79.569.234 |
| TỔNG CỘNG | 126.405.582.684 | 121.092.706.629 |

16. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Giá vốn của dịch vụ quản lý đã cung cấp | 4.476.263.414 | 5.206.814.915 |
| TỔNG CỘNG | 4.476.263.414 | 5.206.814.915 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Chi phí lãi vay, chi phí phát hành trái phiếu | 25.935.754.518 | 26.355.287.672 |
| Dự phòng đầu tư tài chính | 2.484.989.974 | 4.671.351.627 |
| Chi phí khác | 49.439.290 | 483.390.358 |
| TỔNG CỘNG | <u>28.470.183.782</u> | <u>31.510.029.657</u> |

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-------------------|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Chi phí nhân công | 2.260.352.443 | 2.081.963.014 |
| Chi phí khác | 976.680.500 | 535.514.800 |
| TỔNG CỘNG | <u>3.237.032.943</u> | <u>2.617.477.814</u> |

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---------------------------|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Chi phí nhân công | 6.643.412.631 | 6.384.768.406 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 984.031.091 | 776.550.492 |
| Chi phí khác | 85.852.635 | 662.973.831 |
| TỔNG CỘNG | <u>7.713.296.357</u> | <u>7.824.292.729</u> |

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.1 Chi phí thuế TNDN

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-----------------------------|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |
| TỔNG CỘNG | - | - |

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 94.663.525.295 | 86.969.593.477 |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty | 18.932.705.059 | 17.393.918.695 |
| <i>Các khoản điều chỉnh</i> | | |
| Cổ tức và lợi nhuận được chia | (22.738.543.650) | (24.043.907.654) |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 10.479.247 | - |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho lỗ tính thuế | 3.795.359.344 | 6.649.988.959 |
| Chi phí thuế TNDN | - | - |

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.3 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

| <i>Năm/giai đoạn phát sinh</i> | <i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i> | <i>Lỗ tính thuế (*)</i> | <i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2023</i> | <i>Không được chuyển lỗ</i> | <i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2023</i> |
|--------------------------------|---------------------------------|-------------------------|--|-----------------------------|--|
| 2018 | 2023 | 1.028.678.076 | - | - | 1.028.678.076 |
| 2019 | 2024 | 4.143.690.275 | - | - | 4.143.690.275 |
| 2020 | 2025 | 5.910.541.970 | - | - | 5.910.541.970 |
| 2022 | 2027 | 39.179.555.660 | - | - | 39.179.555.660 |
| Kỳ này | 2028 | 18.976.796.722 | - | - | 18.976.796.722 |
| TỔNG CỘNG | | 69.239.262.703 | - | - | 69.239.262.703 |

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể và/hoặc có giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Đầu tư TNG Holdings Việt Nam | Công ty mẹ cấp cao nhất |
| Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT | Cổ đông lớn |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hôm | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Tư vấn Đấu thầu, Thẩm định giá | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt | Công ty con |
| Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One | Công ty con |
| Công ty Cổ phần TNTech | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Quản trị nguồn Nhân lực TNTalent | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Xây dựng MANPRO | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý vận hành Khu công nghiệp IMC | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Nền tảng Tài chính Kỹ thuật số TNEX | Cùng thành viên HĐQT |
| Công ty Cổ phần Năng lượng TNPower | Cùng thành viên HĐQT |
| Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng TNCONS Việt Nam | Cùng thành viên HĐQT |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Cho thuê tài sản TNL | Cùng người đại diện pháp luật |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng | Cùng người đại diện pháp luật (bên liên quan đến ngày 1 tháng 3 năm 2023) |
| Công ty Cổ phần Bất động Sản Xây dựng Hưng Thịnh | Bên liên quan khác (bên liên quan đến ngày 17 tháng 5 năm 2023) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Trường Tiền | Bên liên quan khác |
| Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Hàng Hải | Bên liên quan khác |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển BĐS VN Gateway | Bên liên quan khác |
| Công ty TNHH Đầu tư Sao Hỏa | Bên liên quan khác |
| Hợp tác xã Thương mại Dịch vụ du lịch Papa garden & house | Bên liên quan khác |
| Công ty Cổ phần TNG Asset | Bên liên quan khác |
| Công ty Cổ phần TNL Leasing | Bên liên quan khác |
| Liêu Văn Phụng | Người phụ trách quản trị công ty |

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Cho giai đoạn tài</i> | <i>Cho giai đoạn tài</i> |
|---|---|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | <i>chính sáu tháng</i> | <i>chính sáu tháng</i> |
| | | | <i>kết thúc ngày 30</i> | <i>kết thúc ngày 30</i> |
| | | | <i>tháng 6 năm 2023</i> | <i>tháng 6 năm 2022</i> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management | Công ty con | Cổ tức được chia | 78.342.413.250 | 120.219.538.268 |
| | | Cổ tức nhận được | 78.342.413.250 | 86.012.879.730 |
| | | Góp vốn | - | 8.427.500.000 |
| | | Cho vay | 100.000.000.000 | - |
| | | Cung cấp dịch vụ | 3.178.147.023 | 4.056.812.029 |
| | | Lãi từ Hợp đồng vay | 434.967.562 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | 984.777.952 | 893.096.445 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | 313.338.439 | 256.906.441 |
| Công ty Cổ phần Quản trị nguồn Nhân lực TNTalent | Công ty con | Cổ tức nhận được | 4.950.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Xây dựng Hưng Thịnh | Bên liên quan khác (đến ngày 17 tháng 5 năm 2023) | Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh | 946.465.753 | - |
| Công ty Cổ phần TNTech | Công ty con | Cổ tức nhận được | 30.400.305.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (31 tháng 12 năm 2022: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| | | | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|--------------------|------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| <i>Bên có liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| <i>Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management | Công ty con | Phải thu từ cung cấp dịch vụ | 3.495.961.726 | 10.117.383.889 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt | Công ty con | Phải thu từ cung cấp dịch vụ | 1.083.255.747 | 2.374.841.926 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One | Công ty con | Phải thu từ cung cấp dịch vụ | 735.892.512 | 915.388.857 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V- One | Công ty con | Phải thu từ cung cấp dịch vụ | 56.860.304 | 56.860.304 |
| TỔNG CỘNG | | | 5.371.970.289 | 13.464.474.976 |
| <i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management | Công ty con | Phải thu từ cho vay (*) | 100.000.000.000 | - |
| TỔNG CỘNG | | | 100.000.000.000 | - |

(*) Đây là khoản phải thu về cho vay tín chấp với lãi suất là 8%/năm và đáo hạn vào ngày 9 tháng 6 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

| Bên có liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|---|-------------|-----------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8) | | | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt | Công ty con | Phải thu từ quản lý vốn tập trung | 21.368.179.620 | 21.954.368.639 |
| | | Lãi từ điều chuyển vốn tập trung | 167.035.925 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại & tư vấn đầu thầu, thẩm định giá | Công ty con | Phải thu từ quản lý vốn tập trung | 15.467.387.288 | 9.620.503.443 |
| | | Lãi từ điều chuyển vốn tập trung | 124.471.298 | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Dự án Xây dựng MANPRO | Công ty con | Phải thu từ quản lý vốn tập trung | 83.036.118.990 | 55.179.045.914 |
| | | Lãi từ điều chuyển vốn tập trung | 797.944.324 | - |
| Công ty Cổ phần TNTech | Công ty con | Phải thu từ quản lý vốn tập trung | 35.596.493.932 | 37.363.762.209 |
| | | Lãi từ điều chuyển vốn tập trung | 334.637.028 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TN Property Management | Công ty con | Phải thu từ quản lý vốn tập trung | 13.430.883.729 | 26.478.397.677 |
| | | Lãi từ điều chuyển vốn tập trung | 269.390.814 | - |
| | | Lãi cho vay | 415.287.671 | - |
| TỔNG CỘNG | | | 171.007.830.619 | 150.596.077.882 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

| <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | | |
|--|--------------------|--|---------------------------------|----------------------------------|
| <i>Bên có liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| <i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 12)</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt | Công ty con | Phải trả từ quản lý vốn tập trung | 3.551.666.617 | 20.270.023.703 |
| | | Chi phí lãi từ điều chuyển vốn tập trung | 2.099.580 | 4.779.106 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One | Công ty con | Phải trả từ quản lý vốn tập trung | 4.565.270.098 | 17.276.621.092 |
| | | Chi phí lãi từ điều chuyển vốn tập trung | 7.309.298 | 12.024.796 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp C-One | Công ty con | Phải trả từ quản lý vốn tập trung | 5.988.375.576 | 13.939.030.407 |
| | | Chi phí lãi từ điều chuyển vốn tập trung | 28.950.556 | 17.685.824 |
| Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực TNTalent | Công ty con | Phải trả từ quản lý vốn tập trung | 7.120.000.000 | 12.120.000.000 |
| | | Chi phí lãi từ điều chuyển vốn tập trung | 5.166.685 | 5.761.316 |
| Các đối tượng khác | Bên liên quan khác | Các khoản phải trả khác | 5.160.108 | 19.091.180 |
| TỔNG CỘNG | | | 21.273.998.518 | 63.665.017.424 |

Vay dài hạn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Bất động sản Xây dựng Hưng Thịnh (một bên liên quan của công ty đến hết ngày 17 tháng 5 năm 2023) nắm giữ 518.000 trái phiếu tương đương 51.800.000.000 VND được phát hành bởi Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 13.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ:

| | | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---------------------|--|--|--|
| <i>Tên</i> | <i>Chức danh</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Bà Nguyễn Thu Trang | Chủ tịch HĐQT/ Thành viên ủy Ban Kiểm toán | 454.183.818 | 92.307.690 |
| Ông Nguyễn Việt Sơn | Phó chủ tịch HĐQT | 213.498.854 | - |
| Ông Phan Anh Sơn | Thành viên HĐQT/ Thành viên ủy Ban Kiểm toán | 128.455.162 | 92.307.690 |
| Ông Bùi Quốc Khánh | Thành viên HĐQT | 128.556.736 | 92.307.690 |
| Bà Nguyễn Thị Yến | Thành viên HĐQT/ Chủ tịch ủy Ban Kiểm toán | 125.272.784 | 82.857.141 |
| TỔNG CỘNG | | 1.049.967.354 | 359.780.211 |

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

| | | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-------------------|---|--|--|
| | | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Nguyễn Việt Sơn | Tổng Giám đốc (đến ngày 23 tháng 6 năm 2022) | - | 1.029.486.000 |
| Phạm Thị Tâm Dung | Giám đốc Tài chính (đến ngày 20 tháng 7 năm 2022) | - | 420.000.000 |
| Tạ Thị Thu Hằng | Tổng Giám đốc | 1.241.794.031 | - |
| Hoàng Minh Tuấn | Giám đốc Tài chính | 348.833.570 | - |
| TỔNG CỘNG | | 1.590.627.601 | 1.449.486.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt việc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ chi trả là 15%/cổ phiếu. Vào ngày 10 tháng 8 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc phát hành bổ sung 6.477.863 cổ phiếu căn cứ theo Nghị quyết này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Nguyễn Văn Thiện
Người lập biểu



Hoàng Minh Tuấn
Kế toán trưởng



Tạ Thị Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

